

Bản án số: 156/2024/HS-PT

Ngày: 28-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Kế Nghiệp**

Các Thẩm phán: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

Bà **Trần Thị Trâm Anh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang* tham gia phiên tòa:

Bà **Đỗ Thị Tuyết Nhung** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 88/2024/TLPT-HS ngày 25 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Danh T, Danh G, do có kháng cáo của các bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2024/HS-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **D1 T**; sinh ngày 01/01/1983 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: **ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang**; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Danh C** (chết) và bà **Huỳnh Thị M**; sinh năm 1953; Vợ tên **Thị M1**, sinh năm 1987 và có 02 người con lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **D1 G**; sinh ngày 01/01/1985 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: **ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang**; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Danh C1**, sinh năm 1950 và bà **Thị H** (chết); Vợ tên **Thị T1**, sinh năm 1984 và có 03 người con lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho các bị cáo:

- Bà **Trần Thị D** – Trợ giúp viên **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K**

(Có mặt).

Người bào chữa theo yêu cầu cho các bị cáo:

- Luật sư **Nguyễn Thị Kim S** – Văn phòng luật sư **Phạm Văn C2** thuộc **Đoàn luật sư tỉnh K** (Có mặt).

Bị hại có kháng cáo: Ông **Lương Hoàng C3**, sinh năm 1977 (có mặt)

Nơi cư trú: **ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 22/8/2022, thông qua cò lúa là anh **Lương Hoàng C3, D1** G có lập hợp đồng mua bán lúa với anh **Phan Văn Đ** với diện tích 350 công đất lúa, khoảng 200 đến 250 tấn lúa OM và lúa Đài thơm với giá 5.600 đồng/kg. Đến khoảng 15 ngày sau, **Đ** đến mua lúa của **G1** với giá 5.500 đồng/kg, khoảng 180 tấn lúa. Số lúa còn lại khoảng 30 tấn, anh **Đ** không đồng ý mua vì lúa còn xanh. Giàu bán 30 tấn lúa này cho người khác với giá 5.200 đồng/kg, thấp hơn giá 5.500 đồng/kg nên bị lỗ khoảng 8.000.000 đồng. **G1** nói với **Đ** bị lỗ, Đồng bù cho **G1** được 2.000.000 đồng. Đến khoảng 07 ngày sau, anh **Đ** tiếp tục xuống mua 30 tấn lúa còn lại theo hợp đồng với **G1**. Giàu tính lại thì thấy số tiền bán lúa cho người khác với giá thấp, tiền cò lúa của **G1**, tiền cọc cho người dân, tổng cộng Giàu lỗ khoảng 11.500.000 đồng. **G1** yêu cầu anh **Đ** và anh **C3** phải trả số tiền này cho **G1**, nhưng anh **Đ** và **C3** không trả.

Đến khoảng 14 giờ ngày 14/3/2023, anh **C3** đi chung với anh **Thái Thanh T2** đến gặp **G1** ở gần **cầu G thuộc xã M** để thỏa thuận việc cắt và mua lúa nhưng không thống nhất giá cả. Lúc này, **G1** chửi anh **C3** rồi bỏ đi đem đồ cho máy cắt của **G1**. Sau đó, **G1** đi coi đồng khu vực Giàu cắt lúa thì nhìn thấy anh **C3** và **T2** đang đi coi lúa, **G1** mới đòi tiền anh **C3**, anh **C3** nói với Giàu tiền này anh **Đ** trả chứ anh **C3** không trả. Lúc này, **G1** mới gọi điện thoại cho anh **D1** T là anh rể của **G1** đến đòi nợ tiếp **G1**. **T3** nghe vậy nên rủ **Danh T4** đi cùng (nhưng **T3** không nói cho **T4** biết là đi đâu), khoảng 15 phút sau thì **T3** chở **T4** đi đến gặp **G1**. Giàu nhặt 01 khúc sòng dừa khô dài khoảng 01 mét đi ra ruộng cùng với **T3** và **T4** thì gặp anh anh **C3** và **T2**. Khi gặp anh **C3**, **G1** yêu cầu anh **C3** trả tiền nhưng anh **C3** không trả. Anh **C3** kêu **G1** gọi điện thoại cho **Đ**, **G1** gọi điện thoại cho **Đ** nhưng **Đ** cũng không trả. Thấy anh **C3** và **T2** định bỏ đi nên **G1** dùng cây đánh khoảng 02 lần vào hông và tay của **T2** làm cây bị gãy (**T2** không bị thương tích và cũng không yêu cầu xử lý). **G1** và **T2** giật lộn cùng nhau dưới ruộng thì được can ngăn. Sau đó, anh **C3**, **T2** đi vào nhà của ông **Danh D1** (ở **ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang**) thì **G1** cũng đi theo. Anh **C3** ngồi ở hàng ba nhà, bỏ cây xôm lúa dài khoảng 40 cm có một đầu nhọn dưới nền nhà gần đó. Còn **T2** ngồi trên xe mô tô, **G1**, **T3** và **T4** đứng ngoài sân. **G1** tiếp tục đòi tiền anh **C3** và nói “Anh không trả tiền thì không được đi”. Lúc này, **T3** chạy lại chỗ anh **C3** cầm cây xôm lúa của anh **C3** kẻ sát vào phần cổ và ngực bên phải phía trước của anh **C3** và nói “Mày trả tiền cho em tao không? Không trả tao đâm mày”,

anh C3 mới kêu anh T2 mở cốp xe lấy 2.000.000 đồng đưa cho G1 nhưng G1 nói “đủ mười triệu mới lấy”. Anh C3 gọi điện thoại cho chị Lâm Cẩm T5 hỏi mượn 10.000.000 đồng, chị T5 đồng ý và kêu chuyển khoản qua số tài khoản của G1. Sau khi nhận được tiền, T3 bỏ cây xôm lúa ra khỏi ngực của anh C3. Sau đó, G1, T3, T4 bỏ về.

*** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2024/HS-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

1. Về điều luật áp dụng và tội danh: Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố các bị cáo D1 T và D1 G phạm tội “Cướp tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt: Bị cáo D1 T 03 (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.2 Xử phạt: Bị cáo D1 G 03 (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, biện pháp tư pháp và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm**

- Ngày 04/6/2024 các bị cáo D1 T và D3 đều có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc được hưởng án treo

- Ngày 04/6/2024 bị hại Lương Hoàng C3 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Các bị cáo thừa nhận Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo Điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là đúng tội và giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo- Luật sư Nguyễn Thị Kim S: Mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt hai bị cáo 03 năm tù là quá nghiêm khắc. Hiện tại hoàn cảnh gia đình hai bị cáo rất khó khăn, cha mẹ già, con còn nhỏ, bị hại cũng kháng cáo xin giảm nhẹ cho hai bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho hai bị cáo được án treo để có điều kiện chăm sóc cha mẹ yếu và các con nhỏ.

- Quan điểm của Trợ giúp viên Trần Thị D: Mức án Tòa án cấp sơ thẩm xét xử 03 năm tù có phần nặng cho các bị cáo. Bị hại đã kháng cáo xin giảm nhẹ cho bị cáo, bản chất các bị cáo thực hiện hành vi là do đòi nợ chứ không muốn Cướp tài sản. Hoàn cảnh của các bị cáo rất khó khăn, con còn nhỏ, nếu xét xử các bị cáo hình phạt tù thì rất nghiêm khắc. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử

các bị cáo Danh T, **D1** G về tội “Cướp tài sản” theo điểm d Khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật. Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng, cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử phạt các bị cáo mức án như 03 năm tù là có phần nhẹ, chưa tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Xét đơn kháng cáo của các bị cáo, bị hại về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm:

Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai bị cáo, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Vào khoảng 14 giờ, ngày 14/3/2023 tại **ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang** vì muốn giúp **D1** G đòi tiền cọc lúa của anh **Lương Hoàng C3** nên **D1** T đã có hành vi dùng cây xôm lúa là vật sắc nhọn đưa lên cổ và ngực bên trái của anh **C3** buộc anh **C3** trả tiền cho **G1**. Lúc này, **G1** nhìn thấy và yêu cầu **C3** phải trả tiền cho **G1** 10.000.000 đồng. Hoàng sợ anh **C3** đã nhờ người chuyển cho **G1** đủ số tiền mà **G1** yêu cầu, sau khi nhận được tiền thì **T3** và **G1** mới bỏ hung khí xuống và đi về nhà.

Hành vi dùng vũ lực tấn công, sau đó chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”. Công cụ mà các bị cáo sử dụng để uy hiếp bị hại là cây xôm lúa sắt nhọn dài khoảng 40cm là hung khí nguy hiểm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo và bị hại:

Bị cáo **T3** và bị cáo **G1** đều kháng cáo xin được hưởng án treo, bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Xét thấy hành vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo ý thức được việc dùng hung khí uy hiếp để chiếm đoạt tài sản của bị người là vi phạm pháp luật nhưng vì tức giận bị hại không trả tiền cọc lúa như đã thỏa thuận trước mà các bị cáo đã dùng cây xôm lúa không chế, làm tê liệt ý chí của bị hại buộc bị hại phải đưa tiền cho các bị cáo. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và ảnh hưởng đến tinh thần của bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần thiết phải cách ly các bị cáo

ra khỏi xã hội mới đảm bảo tính rắn đẽ, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, các bị cáo không có sự bàn bạc từ trước, bị cáo **T3** là người dùng hung khí để đe dọa bị hại, bị cáo **G1** là người đề xuất, trực tiếp lấy tài sản và quản lý tài sản chiếm đoạt được, do vậy cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của hai bị cáo, xác định vai trò của hai bị cáo ngang nhau, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình các bị cáo thuộc diện kinh tế khó khăn; bản thân các bị cáo lại là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp nên việc am hiểu pháp luật phần nào còn hạn chế; sau khi phạm tội các bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt 3 năm tù là phù hợp và tương xứng hành vi phạm tội của hai bị cáo. Bị cáo **T3** và bị cáo **G1** phạm tội có tính chất côn đồ thuộc trường hợp không được hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, tại phiên tòa phúc thẩm, hai bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo và bị hại.

[4] Xét quan điểm bào chữa của Luật sư và Trợ giúp viên yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp như đã phân tích tại phần trên nên HĐXX không chấp nhận.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, bị hại giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Hai bị cáo, bị hại kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm là 200.000 đồng.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo **D1** T, D1 G và bị hại **Lương Hoàng C3**.

- Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2024/HS-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo **D1 T 03** (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo **D1 G 03** (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo và bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Các quyết định khác của Bản án số: 49/2024/HS-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang, không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại **Tp. HCM** (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKSND huyện (1)
- TAND; THA huyện (1)
- CC THADS huyện (1)
- Bị cáo (1);
- Lưu (7).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kế Nghiệp